

Số: **911** /QĐ-BNN-CB

Hà Nội, ngày **25** tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố các tổ chức, cá nhân sản xuất máy móc,
thiết bị giảm tổn thất sau thu hoạch được hưởng chính sách
theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định
số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

Căn cứ Thông tư số 62/2010/TT-BNNPTNT ngày 28/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định danh mục các loại máy móc, thiết bị được hưởng chính sách theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-NHNN ngày 08/3/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn chi tiết thực hiện Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đợt II năm 2012, danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất máy móc, thiết bị giảm tổn thất sau thu hoạch được hưởng chính sách theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa

đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản (có danh sách kèm theo).

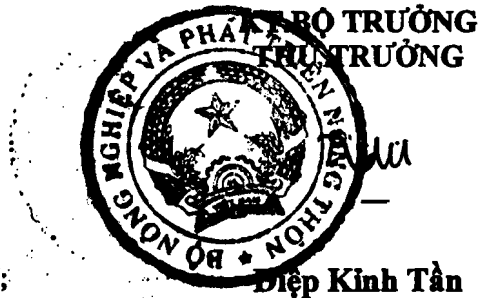
Điều 2. Danh sách này làm căn cứ để Ngân hàng thương mại Nhà nước; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo qui định tại Điều 1, Điều 2 của Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010 và khoản 1, khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

Điều 3. Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở ban, ngành các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm đôn đốc, tổng hợp danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất máy móc, thiết bị nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tiếp tục bổ sung công bố theo yêu cầu thực tế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân sản xuất máy móc, thiết bị thuộc danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước VN;
- Ngân hàng Thương mại Nhà nước;
- Ngân hàng NN & PTNT VN;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố TW;
- Lưu: VT, CB.



DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

sản xuất máy móc, thiết bị giảm tổn thất sau thu hoạch được
hưởng chính sách theo quyết định 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010
và quyết định số 63/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011



Ban trưởng Chính phủ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2012/QĐ-BNN-CB ngày 25 tháng 4 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên tổ chức, cá nhân/ địa chỉ	Tên máy móc, thiết bị	Ký hiệu, quy cách, đặc tính kỹ thuật	Giá trị sản xuất trong nước (%)
1	Công ty TNHH Anh Phát; Địa chỉ: 60 Vũ Huy Tân, P.3, Q. Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; ĐT: 08.22371122-0908752908; Fax: 08.54286779; Email:ape@anhphat.com; WWW.anhphat.com.vn	Băng chuyên cấp đông IQF dạng phẳng và lưới	IQF-A00; cấp đông sản phẩm tôm cá, mực. Băng chuyên cấp đông siêu tốc với vận tốc gió trao đổi trực tiếp qua bề mặt làm cho sản phẩm cấp đông nhanh tăng năng suất cấp đông và giảm hao hụt sản phẩm sau đông $\leq 1\%$; sản phẩm sau đông đóng gói và bảo quản lâu hơn; Công suất: 500 – 600- 750 kg/h	66
		Băng chuyên tái đông RF dạng lưới	RF-A00; tái đông sản phẩm tôm cá, mực. Băng chuyên tái đông siêu tốc với vận tốc gió trao đổi trực tiếp qua bề mặt làm cho sản phẩm tái đông nhanh và giảm hao hụt sản phẩm sau tái đông $\leq 1\%$, sản phẩm sau đông đóng gói và bảo quản lâu hơn; Công suất: 600 - 900 kg/h	68
		Hệ thống kho lạnh	Kho dùng để bảo quản hàng nông thủy sản sau khi chế biến; Công suất từ 100 tấn -5.000 tấn	67
		Tủ đông gió 500 kg/m ³	Dùng cấp đông thủy hải sản; cấp đông bằng gió hao hụt sản phẩm sau cấp đông $\leq 1\%$; Công suất cấp đông 500 kg/m ³	68
		Tủ đông tiếp xúc 1 tấn/m ³	Dùng cấp đông thủy hải sản; cấp đông tiếp xúc vào sản phẩm, hao hụt sau cấp đông $\leq \%$; Công suất cấp đông 1 tấn/m ³	70
		Máy đá vảy (5-30) tấn/ngày	Tạo đá để ướp sản phẩm thủy hải sản; Công suất (5- 30) tấn/ngày	76

2	Công ty TNHH MTV Cơ khí Kiên Giang; địa chỉ: Số 181 , Cách mạng tháng tám, phường Vĩnh Lợi ,Thành Phố Rạch Giá, Kiên Giang ĐT: 077.3918826-3917298 Fax: 077.3913506-3918827 Email: cokhikg@vnn.vn http://cokhikiengiang.com.vn	Thùng chứa nguyên liệu 780 tấn	Sức chứa 780 tấn, dài 40m, rộng 5m, cao 6m; mức độ tổn thất 0%.	100
		Thùng chứa nguyên liệu 120 tấn	Sức chứa 120 tấn, đường kính 6m, cao 6.1m; mức độ tổn thất 0%.	100
		Băng tải lúa xá	Năng suất 10-60 tấn/h Mức độ tổn thất 0,5% Không gian lắp theo điều kiện mặt bằng	91
		Gàu tải	Năng suất 10-60 tấn/h Mức độ tổn thất 0,5% Không gian lắp theo điều kiện mặt bằng	87
		Hệ thống vít tải nhập lúa	Năng suất 10-60 tấn/h Mức độ tổn thất 0,5% Không gian lắp theo điều kiện mặt bằng	90
		Hệ thống băng tải xuất nhập gạo bao	Năng suất 40-60 tấn/h Mức độ tổn thất 0,5% Không gian lắp theo điều kiện mặt bằng	86
		Băng tải nâng chuyển gạo bao	Năng suất 40-60 tấn/h Chiều cao nâng từ 1,2m – 7m Mức độ tổn thất 0,5% Không gian lắp theo điều kiện mặt bằng	84
3	Công ty TNHH CN-SX-TM cơ điện tử Quang Huy BK; Địa chỉ: 68/20 E Quang Trung, P.14, Q. Gò Vấp, Tp. HCM ĐT: 08. 39470172 Fax: 08.39470173 Email: info@quanghuybk.com; vahuy@yahoo.com vahuy@yahoo.com pquynhbk@gmail.com com	Thiết bị chế biến lúa tươi thu hoạch		
		Máy làm sạch	BKCL1, BKCL2 Năng suất: 7 – 50 tấn/giờ	85
		Máy tách đá	BKCLS1, BKCLS2 Năng suất: 10 – 50 tấn/giờ	85
		Máy sàng trọng lượng	BK1; BK2; BK3 Năng suất: 3 – 50 tấn/giờ	85
		Máy sàng phân loại đơn	BKCLF1; BKCLF22 Năng suất : 5-50 tấn/giờ	85
		Máy sàng phân loại đôi	BKCLF-D; Năng suất: 5-50 tấn/giờ	75
		Máy đánh bóng gạo dùng hơi sương	BKPL1- BKPL2 Năng suất: 1 – 20 tấn/giờ	75
		Máy xát vỏ lúa	BKXV1; BKXV 2; Năng suất: 2,5 – 20 tấn/giờ	75
		Máy sấy tháp	BKDR; Năng suất: 12- 30 tấn/mé	85

Máy sấy trồng	BKDR-RT 1,2 Năng suất: 2- 10 tấn/mê	75
Thiết bị trao đổi nhiệt	BKEX	75
Băng tải hạt	Năng suất: 20-50 tấn/giờ	75
Băng tải hạt loại trung	Năng suất: 3s/bao	75
Băng tải bao loại cánh tay	Năng suất: 3s/bao	75
Băng tải P&H	Năng suất: 3s/bao	75
Vít tải	Năng suất: 15-40 tấn/giờ	75
Quạt hút ly tâm	QHBK-F 1,2,3 Đường kính: 350- 2500 mm Lưu lượng: 800 -250.000 m ³ /h Động cơ: diesel, hoặc điện 3 pha	75
Quạt hút hương trực	Đường kính: 400 - 1000mm Lưu lượng: 800 -300.000 m ³ /h Động cơ diesel hoặc điện 3 pha	80
Cyclone gom bụi loại vale xoay kín rũ bụi tự động	Đường kính từ 300mm đến 2500mm	75
Gàu tải đơn	Năng suất: 3- 20 tấn/giờ	85
Gàu tải đôi	Năng suất: 10- 50 tấn/giờ	85
Gàu tải lớn	Năng suất: 100-150 tấn/giờ	85
Bồn chứa lúa tươi, khô	Dung tích từ 100m ³ đến 250m ³	85
Máy sấy tháp đứng	Năng suất: 10 – 30 tấn/mê	85
Thiết bị chế biến cà phê tươi thu hoạch		
Máy làm sạch	BKCL1, BKCL2 Năng suất: 7 – 50 tấn/giờ	85
Máy tách đá	BKCLS1, BKCLS2 Năng suất: 10 – 50 tấn/giờ	85
Máy sàng trọng lượng	BK1; BK2; BK3 Năng suất: 3 – 50 tấn/giờ	85
Máy sàng phân loại đơn	BKCLF1; BKCLF22 Năng suất : 5-50 tấn/giờ	85
Máy sàng phân loại đôi	BKCLF-D Năng suất: 5-50 tấn/giờ	75
Máy đánh bóng cà phê dùng hơi sương	BKPL1- BKPL2 Năng suất: 1 – 20 tấn/giờ	75
Máy trộn cà phê 2 ngăn	BKMX1; BKMX2 Năng suất: 2-10 tấn/giờ	85

Máy rửa và tách quả nổi	BKXP 1; BKXP 2 Năng suất: 1-20 tấn/giờ	85
Máy tách quả nông hộ	BKXPH Năng suất: 0,8 tấn/giờ	85
Máy rửa và tách quả nổi	BKRQ1; BKRQ2: Năng suất: 2,5- 10 tấn/giờ	75
Máy xát quả chín và tách quả xanh	BKXV1; BKXV 2 Năng suất: 2,5 – 20 tấnquả/giờ	75
Cối bóc vỏ thịt	BKPLV; Năng suất:1,2-15 tấn/giờ	75
Máy đánh nhót	BKDN:Năng suất:5- 20 tấn/giờ	85
Lồng quay bắt quả bi và quả sót	BKRT-CL: Năng suất:5- 20 tấn/giờ	85
Máy sấy tháp	BKDR; Năng suất: 12-30 tấn/mé	85
Máy sấy trống	BKDR-RT 1,2 Năng suất: 2- 10 tấn/mé	75
Quạt sấy nông sản (cho máy sấy 10-35 tấn/mé, sử dụng 02 quạt)	Loại hướng trục. Đường kính guồng 800 mm. Lưu lượng: 800-250.000 m ³ /h. Động cơ diesel, hoặc điện 3 pha.	85
Máy sấy tĩnh vi ngang	Loại 15; 25; 35 tấn/mé. Sấy không trở mẻ; Tiêu thụ trâu: 50- 80 kg/giờ; Động cơ quạt: diesel 24 – 35 HP (Hoặc điện 3 pha 20 – 25 KW); Năng suất: từ 15 - 40 tấn/mé.	85
Vít tải ống	Đường kính: 0,3- 0,4m; Chiều dài: 2,5 ÷ 5 m; Năng suất: 30- 50 tấn/giờ. Công suất: 0,5- 1m/1Hp; Bộ truyền cơ khí: 1:7	80
Băng tải con lăn	Bề rộng: 0,5 - 0,8m; Chiều dài: 2÷40 m; Năng suất: 40÷70 tấn/h. Công suất 3,5m/1 Hp. Bộ truyền cơ khí 1:15	85
Vít tải máng	Đường kính: 0,3m; 0,4mm; Chiều dài: 2÷10m; Năng suất 30-40 tấn/giờ; Công suất 1m-2m/1HP; Bộ truyền cơ khí: 1:5	85
Máy bóc xát vỏ lúa	Năng suất: 10 -20 tấn/h, 1.5x1.5x2m	70
Máy xát gạo có tỷ lệ thu hồi gạo	Năng suất: 10-20 tấn/h 1.2x1.5x2m	80

		nguyên cao (đến 70%);		
		Máy đánh bóng ướt gạo có độ bóng cao, tỷ lệ hao hụt thấp	Năng suất: 10-20 tấn/h 1.2x1.5x2m	80
		Máy rang cà phê dạng tầng sôi	Năng suất: 2-15 tấn/h 6x12x16m(tháp máy)	65
		Hệ thống thiết bị, dây chuyền chế biến bột cá - dầu cá;	Năng suất: 20-300 tấn/ngày 20x8x55m	85
		Máy móc, thiết bị xử lý phế phẩm sau chế biến thủy sản	Năng suất: 20-300 tấn/ngày 15x40x8m(chế biến chi tin từ vỏ tôm)	70
		Silo, kho tạm trữ lúa tươi, lúa khô, cà phê;	Năng suất: 500-5000 tấn	80
		Kho lạnh bảo quản thủy sản;	2000-15000 m ²	70
		Máy tách màu hạt gạo, cà phê	Năng suất: 10-20 tấn/h	70
4	Công ty CP tư vấn đầu tư Việt Đức Địa chỉ: 30/15 Tân Quý, Tân Quý – Quận Tân Phú – TP Hồ Chí Minh Số điện thoại: (08)66766701 – 0912355575 Số Fax: (08)35591117 Email: Nhietlanhvietduc@gmail.com Web: Nhietlanhvietduc.com.vn	Hầm bảo quản thủy sản trên tàu đánh bắt cá	Foam P.U dày 10cm được bơm vào khung gỗ đã đóng sẵn (có bản vẽ thiết kế). Bên ngoài phủ lớp Tole Inox 304 dày 0,5mm.	73
		Hệ thống lạnh trong hầm bảo quản trên tàu cá	Thể tích hầm chứa từ 15-20m ³ . Nhiệt độ bảo quản từ -18°C đến -20°C.	62
		Hệ thống kho sấy khô thủy hải sản thể tích 35 m ³	Thể tích kho sấy từ 35- 50m ³ . Nhiệt độ sấy từ 70°C - 100°C. Độ rút ẩm 70% - 80%.	80
5	Cơ sở Cơ khí Thanh Liêm Địa chỉ: Số 9, lô C, cụm dân cư xã	Máy sạ xịt (sạ hàng kết hợp phun thuốc)	Công suất động cơ 7 HP; Bề rộng làm việc: 4.000 mm; Cần phun thuốc: 8.000 mm; Năng suất: 0,6-0,8 ha/h	96

Láng Biền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp ĐT: 067.3595442	Máy gặt đập liên hợp	Công suất động cơ 51-65 HP; Bề rộng làm việc: 2.000 mm; Năng suất: 0,3- 0,5 ha/h; Hao hụt: ≤ 2%	85
	Động cơ gom lúa trên đồng	Công suất động cơ 26- 30 HP; Tải trọng: 3.000 kg	79
	Dụng cụ làm đồng	Bánh lồng: đường kính 1060- 1400 mm; Dài: 900-1500 mm; Trục: Dài 3000-5000 mm; Trang dài 2500- 4000 mm; Xới dài 1000- 1600 mm.	100

www.LuatVietnam.vn